TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2017/DS-PT
Ngày: 01 – 9 – 2017
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Son.

Các Thẩm phán: Ông Lâm Văn Be

Bà Phạm Thị Hồng Vân

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lâm Thị Nguyện - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Văn Sự – Kiểm sát viên.

Ngày 01/9/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2017/TLPT –DS về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 25/2017/DS-ST ngày 27/6/2017 của Tòa án nhân dân Vện Gò Dầu bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2017/QĐPT-DS ngày 15/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: *Bà Phạm Thị* B*, sinh năm 1969.*

Địa chỉ cư trú: Số nhà 01, tổ 20, ấp Đ, xã Th, Vện G, tỉnh N

2. Bị đơn:

2.1 Bà Lý Kim M, sinh năm 1968

2.2 Chị Đỗ Thị M H, sinh năm 1990

2.3 Anh Đỗ Xuân V, sinh năm 1992

Cùng địa chỉ cư trú: Số nhà 08, t*ổ 20,* ấp Đ, xã Th, Vện G, tỉnh N

3. Người kháng cáo bị đơn bà Lý Kim M, anh Đỗ Xuân V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm nguyên đơn bà Phạm Thị B khai: Bà và bà Lý Kim M quen biết chòm xóm, bà có cho bà Lý Kim M và con trai là anh Đỗ Xuân V vay tiền nhiều lần. Cụ thể:

- Ngày 27/9/2014, bà M gọi điện thoại cho bà hỏi vay dùm con trai là anh Đỗ Xuân V số tiền 4.000.000 đồng, bà đồng ý anh V có ghi giấy mượn tiền và ký tên. Lúc cho mượn, hai bên không thỏa thuận thời gian trả nợ và lãi suất.

- Ngày 29/9/2014 bà M đi cùng con gái là chị Đỗ Thị M H đến nhà bà hỏi mượn 20.000.000 đồng, mục đích để chồng tiền cọc mua đất, hẹn 01 tháng trả. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, chị H viết giấy nợ và hai mẹ con bà M cùng ký tên.

- Ngày 14/12/2014 bà M cùng chị H đến nhà hỏi mượn tiếp số tiền 20.000.000 đồng, mục đích là để chồng tiền mua đất, hẹn 01 tháng trả. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, bà đưa tiền cho bà M nhận tại nhà của bà, chị H viết giấy nợ và hai mẹ con bà M cùng ký tên. Cùng ngày, bà và bà M có tính lãi suất 5% của số tiền 4.000.000 đồng, lãi suất 3% của số nợ 20.000.000 đồng x 3 tháng, nên bà M có trả tiền lãi cho bà tổng số tiền 2.400.000 đồng tính từ tiền vay. Từ đó đến nay, gia đình bà M không trả tiền lãi cho bà. Bà có đến đòi bà M, chị H các khoản nợ trên nhiều lần nhưng bà M cứ hẹn lần mà không trả.

Nay bà yêu cầu bà Lý Kim M, Đỗ Thị M H và Đỗ Xuân V phải trả số tiền vay là 44.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất của Ngân hàng nhà nước công bố tính từ ngày 14/12/2014 cho đến nay. Tại tòa bà yêu cầu anh V trả 4.000.000 đồng và tiền lãi, bà M trả 40.000.000 đồng và tiền lãi, không yêu cầu chị H trả nợ.

Bị đơn: 1/ Bà Lý Kim M trình bày:

Bà có mượn nợ của bà B, ba lần cụ thể như bà B trình bày là đúng. Nhưng vào khoảng tháng 10/2014, con gái bà là chị H có trả cho bà B số tiền 20.00.000 đồng của giấy nợ ngày 29/9/2014, nhưng bà B không trả lại giấy nợ. Cùng ngày, trả nợ chị H có mượn lại bà B số tiền 15.000.000 đồng, không làm giấy nợ, nên số nợ còn thiếu là 39.000.000 đồng không phải 44.000.000 đồng. Bà và anh V, chị H có đóng tiền lãi đầy đủ cho bà B đến ngày 24/12/2015, tổng số tiền bao nhiêu thì bà không nhớ, việc trả lãi không có làm giấy tờ, chỉ có bà Hà ở chung nhà với bà B biết. Sau đó do gia đình gặp khó khăn nên bà và các con không tiếp tục đóng lãi cho bà B. Bà và anh V, chị H vay các khoản nợ trên của bà B mục đích để cho anh V có vốn làm ăn, do bà B không tin tưởng anh V nên bà và chị H phải đứng ra vay mượn. Hai bên có thỏa thuận lãi suất bằng lời nói không ghi vào giấy nợ và không thỏa thuận thời gian trả nợ. Cụ thể: Số tiền vay 4.000.000 đồng lãi suất 7%/tháng, số tiền vay 20.000.000 đồng và 15.000.000 đồng lãi suất đều là 6%/tháng.

Nay bà đồng ý trả cho bà B số tiền 39.000.000 đồng, xin phần tiền lãi từ tháng 01/2016 đến nay. Sau đó bà M thay đổi lời khai và yêu cầu cho rằng bà không mượn lại số tiền 15.000.000 đồng vào ngày 29/9/2014, bà thừa nhận còn nợ bà B 24.000.000 đồng, bà đồng ý trả số nợ này, bà xin trả 20.000.000 đồng, còn V trả 4.000.000 đồng và đồng ý trả lãi theo Nhà nước quy định từ đầu năm 2016 đến nay.

2/ Anh Đỗ Xuân V trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà M mẹ anh. Nay anh đồng ý trả cho bà B số tiền 4.000.000 đồng, xin phần tiền lãi từ tháng 01/2016 đến khi giải quyết xong vụ án. Đối với số tiền còn lại là 40.000.000 đồng mà bà B yêu cầu mẹ anh là bà M trả anh không đồng ý, chỉ đồng ý bà M còn nợ.

3/ Chị Đỗ Thị M H trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày và yêu cầu bà M mẹ chị. Nay bà B yêu cầu chị có trách nhiệm cùng trả nợ chị đồng ý trả số tiền 44.000.000 đồng, chị chỉ đồng ý trả 24.000.000 đồng và xin tiền lãi. Ngoài ra, chị không trình bày gì thêm.

Tại bản án sơ thẩm số 25/2017/DS-ST ngày 27/6/2017 của Tòa án nhân dân Vện Gò Dầu đã tuyên xử:

Căn cứ vào Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" của bà Phạm Thị B đối với bà Lý Kim M và anh Đỗ Xuân V.

2/ Buộc bà M có trách nhiệm trả cho bà B số tiền 40.000.000 đồng và tiền lãi là 10.103.800 đồng, trừ số tiền bà B đã nhận là 2.400.000 đồng, còn lại 7.703.800 đồng, cộng vốn lãi là 47.703.800 đồng.

Buộc anh V có trách nhiệm trả cho bà B số nợ 4.000.000 đồng và tiền lãi là 1.010.400 đồng, cộng vốn lãi là 5.010.400 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xử sơ thẩm ngày 08/7/2017 bị đơn bà Lý Kim M, anh Đỗ Xuân V kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm giải quyết bao gồm:

- Bà M yêu cầu xem xét lại số tiền đã vay và tiền lãi đã đóng đến tháng 12/2015 chỉ còn nợ 24.000.000 đồng không phải 40.000.000 đồng.
- Anh V yêu cầu xem xét lại số tiền lãi đã đóng đến tháng 12/2015

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M, anh V. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Việc vay nợ giữa bà Lý Kim M, anh Đỗ Xuân V với bà Phạm Thị B hai bên thống nhất tiền vay: Anh V vay 4.000.000 đồng theo biên nhận ngày 27/9/2014, bà M 20.000.000 đồng theo biên nhận ngày 29/9/2014 và 20.000.000 đồng theo biên nhận ngày 14/12/2014, tổng cộng 44.000.000 đồng. Theo bà B khai chỉ nhận tiền lãi 2.400.000 đồng, yêu cầu trả vốn 44.000.000 đồng và tính lãi theo lãi Ngân hàng. Bà M, anh V có nhiều lời khai khác nhau bà M khai: Khoảng tháng 10/2014 trả cho bà B 20.000.000 đồng của biên nhận ngày 29/9/2014 nhưng khi trả không lấy lại biên nhận, chiều cùng ngày đó đến mượn lại 15.000.000 đồng không làm giấy tờ, nên tổng cộng còn nợ là 39.000.000 đồng. Sau đó bà M, anh V lại khai không vay 15.000.000 đồng nên chỉ còn nợ bà B 24.000.000 đồng yêu cầu được xem xét tiền lãi đóng đủ đến tháng 12/2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà B, kháng cáo của bà M, anh V thì thấy rằng: Anh V vay tiền bà B một lần 4.000.000 đồng, bà M vay hai lần 40.000.000 đồng, cả ba lần vay đều có biên nhận, biên nhận hiện bà B còn giữ. Bà M cũng thừa nhận biên nhận vay nợ, thừa nhận tiền vay nhưng khai đã trả 20.000.000 đồng chỉ còn nợ 24.000.000 đồng nhưng bà M, anh V là con bà M lại có nhiều lời khai khác nhau, lời khai đầu trả 20.000.000 đồng nhưng không nhận lại biên lai, sau khi trả lại vay tiếp 15.000.000 đồng cùng ngày nên chấp nhận trả 39.000.000 đồng. Sau đó anh V, bà M khai không vay 15.000.000 đồng chỉ chấp nhận trả 24.000.000 đồng. Trong khi bà B không thừa nhận anh V, bà M không có vay tiền 15.000.000 đồng, không trả 20.000.000 đồng. Cả 3 biên nhận vay tiền bà B còn giữ, cấp sơ thẩm xác nhận bà M, anh V, chị H còn nợ gốc 44.000.000 đồng là có căn cứ. Bà M, anh V kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M, anh V về phần này.

[3] Về phần tiền lãi bà B chỉ thừa nhận bà M đã trả cho bà 03 tháng tiền lãi được 2.400.000 đồng vào ngày 14/12/2014 trả bằng tiền vay, sau đó bà M không trả vốn lẫn lãi. Bà M khai trả lãi đến ngày 24/10/2015 nhưng bà B không thừa nhận, bà M, anh V cũng không kèm theo chứng cứ gì chứng minh. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu xem xét lại tiền lãi của anh V, bà M là có căn cứ, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M, anh V về phần này.

Cấp sơ thẩm xác định bà M có trách nhiệm trả cho bà B 47.703.800 đồng, anh V có trách nhiệm trả cho bà B 5.010.400 đồng là có căn cứ, đã tính mức lãi suất ngân hàng theo yêu cầu của nguyên đơn là hợp lý cần giữ y án, không chấp nhận yêu cầu của bà M.

Từ những phân tích nêu trên không có cở sở chấp nhận kháng cáo của bà Lý Kim M, anh Đỗ Xuân V, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, giữ y án sơ thẩm.

Bà Lý Kim M, anh Đỗ Xuân V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của Bà Lý Kim M, anh Đỗ Xuân V

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2017/DS-ST ngày 27/6/2017 của Tòa án nhân dân Vện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh:

1. Căn cứ vào Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" của bà Phạm Thị B đối với bà Lý Kim M và anh Đỗ Xuân V.

3. Buộc bà M có trách nhiệm trả cho bà B số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng tiền gốc và tiền lãi là 10.103.800 (mười triệu một trăm lẻ ba nghìn tám trăm) đồng, trừ số tiền bà B đã nhận là 2.400.000 (hai triệu bốn trăm nghìn) đồng, còn lại 7.703.800 (bảy triệu bảy trăm lẻ ba nghìn tám trăm) đồng, tổng cộng vốn và lãi là 47.703.800 (bốn mươi bảy triệu bảy trăm lẻ ba nghìn tám trăm) đồng.

4. Buộc anh V có trách nhiệm trả cho bà B số nợ 4.000.000 (bốn triệu) đồng và tiền lãi là 1.010.400 (một triệu không trăm mười nghìn bốn trăm) đồng, cộng vốn lãi là 5.010.400 đồng (năm triệu không trăm mười nghìn bốn trăm) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 428 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

5.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà M phải chịu 2.385.200 (hai triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm) đồng án phí Dân sự sơ thẩm;

Anh V phải chịu 250.520 (hai trăm năm mươi nghìn năm trăm hai mươi) đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, Chi cục Thi hành án dân sự Vện Gò Dầu hoàn trả cho bà B 1.100.000 (một triệu một trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà B đã nộp theo biên lai thu số 0011510 ngày 16/11/2016 và 130.000 (một trăm ba mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0012150 ngày 22/5/2017.

5.2 Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Lý Kim M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà M đã nộp

theo biên lai thu số 0012343 ngày 10 tháng 7 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự Vện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Anh Đỗ Xuân V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm anh V đã nộp theo biên lai thu số 0012342 ngày 10 tháng 7 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự Vện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND.HGD;
- VKSND.TTN;
- Chi cục THADS. HGD;
- Phòng KTNV.TAT;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Son